

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 7 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Kim Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Thơi

Ông Trần Văn Bé Hai

- Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Chanh Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 2 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Vĩnh Long: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 15/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2025/QĐST – HNGĐ ngày 23 tháng 06 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp T, xã N, tỉnh Vĩnh Long) - Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

- *Bị đơn:* Chị Trần Kim N, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp T, xã N, tỉnh Vĩnh Long) - vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 01 năm 2025 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc H trình bày:

Về hôn nhân: Anh H và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, qua thời gian quen biết anh H và chị N có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 28/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay là UBND xã N, tỉnh

Vĩnh Long). Thời gian vợ chồng hạnh phúc được khoảng 13 năm. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi. Đến tháng 9/2024 vợ chồng sống ly thân cho đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, và vợ chồng không về đoàn tụ với nhau được nên anh H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh H trình bày, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Quốc M, sinh ngày 17/10/2011 và Nguyễn Ngọc Thuyên K, sinh ngày 17/10/2019, hiện cháu M đang sống chung với anh H, còn cháu K đang sống chung với chị N. Cháu M có có bằng tự khai thể hiện nguyện vọng được sống chung với anh H sau khi anh H và chị N ly hôn. Anh H yêu cầu nuôi cháu M không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con đối với cháu M. Ngoài ra, anh H đồng ý giao cháu K cho chị N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con đối với cháu K.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án thì anh Nguyễn Ngọc H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Vì anh H đi làm ở xa, xin nghỉ phép khó khăn. Anh H giữ nguyên ý kiến và yêu cầu khởi kiện của mình. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

- Phần ý kiến của bị đơn chị Trần Kim N: Do chị N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thu thập được ý kiến và tài liệu chứng cứ của chị N. Chị N đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn chị Trần Kim N vắng mặt không lý do. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ pháp luật tranh chấp là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng Dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu Vực 2 - Vĩnh Long quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[1.2] Xét việc vắng mặt của đương sự:

[-] Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc H có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[-] Bị đơn chị Trần Kim N đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

[2] Xét nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét về hôn nhân: Sau thời gian quen biết thì anh H và chị Ngọc T đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 28/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay là UBND xã N, tỉnh Vĩnh Long) nên việc anh H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị N là có cơ sở xem xét.

[-] Theo anh H trình bày, anh H và chị N sống với nhau được hơn 10 năm, đến năm 2024 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 9/2024 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, lâu dần làm mất hạnh phúc gia đình. Trong khoảng thời gian vợ chồng ly thân cho đến khi khởi kiện và được Tòa án mời đến hòa giải thì vợ chồng cũng không gặp nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ yêu cầu ly hôn với chị N do thời gian ly thân kéo dài, tình cảm vợ chồng phai nhạt nên vợ chồng không thể về hàn gắn đoàn tụ với nhau được.

[-] Để bảo đảm sự khách quan trong giải quyết vụ án thì sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần thông báo mời hòa giải nêu cụ thể rõ ràng yêu cầu khởi kiện của anh H cho chị N biết, mời chị N đến Tòa án để làm rõ ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con của anh H cũng như hòa giải đoàn tụ cho hai bên nhưng chị N vẫn luôn vắng mặt, đồng thời không có văn bản nào gửi cho Tòa án nêu rõ lý do vắng mặt của mình hay ý kiến phản bác gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh H. Mặc nhiên bỏ trôi vụ việc tùy vào yêu cầu của anh H và phán quyết của Tòa án. Điều này, cho thấy chị N không có thiện chí hòa giải đoàn tụ và không quan tâm cuộc hôn nhân với anh H.

[-] Từ những cơ sở trên, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xét thấy yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Ngọc H đối với chị Trần Kim N là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh H trình bày, anh và chị N có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Quốc M, sinh ngày 17/10/2011 và Nguyễn Ngọc Thuyên K, sinh ngày 17/10/2019, hiện cháu M đang sống chung với anh H, còn cháu K đang

sống chung với chị N. Cháu M có bản tự khai có nguyện vọng sống chung với anh H sau khi cha mẹ ly hôn.

[-] Anh H yêu cầu tiếp tục nuôi con chung là Nguyễn Ngọc Quốc M, sinh ngày 17/10/2011, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con và đồng ý giao cháu Nguyễn Ngọc Thuyên K, sinh ngày 17/10/2019 cho chị Trần Kim N nuôi dưỡng.

[-] Tòa án đã thông báo cho chị N biết và mời chị Trần Kim N đến Tòa án hòa giải để làm rõ yêu cầu nuôi con của anh H nhưng chị N nhiều lần vắng mặt không rõ lý do nên không thể thu thập được ý kiến của chị N trong vấn đề này. Qua lời trình bày của anh H thì từ khi ly thân đến nay cháu M đang sống chung với anh, còn cháu K đang sống chung với chị N. Trong thời gian ly thân hai bên đều đảm bảo được cuộc sống của con, không ai ngăn cản việc qua lại thăm con và cũng không ai ngăn cản hay la rầy khi sống chung với cha hoặc sống với mẹ. Nhận thấy, cháu M đang được anh H chăm sóc đã ổn định nơi sinh sống và học tập, cháu đã thích nghi việc sinh sống chung với anh H và cháu có nguyện vọng sống với anh H sau khi cha mẹ ly hôn. Đối với cháu K thì sống chung với chị N cũng được chị N chăm sóc như anh H chăm sóc cháu M. Việc ổn định cuộc sống cũng như sự chăm sóc từ người mẹ, người cha cũng là điều kiện để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất, tinh thần cũng như tâm sinh lý cho cháu hiện tại và về sau. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu nuôi cháu M của anh Nguyễn Ngọc H, giao cháu Nguyễn Ngọc Quốc M, sinh ngày 17/10/2011 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh H, giao cháu Nguyễn Ngọc Thuyên K, sinh ngày 17/10/2019 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Việc chấp nhận yêu cầu của anh H là vừa đúng theo nguyện vọng của cháu M và vừa phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn Nhân và Gia đình năm 2014.

[-] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N vắng mặt. Anh H không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con đối với cháu M và không yêu cầu giải quyết vấn đề cấp dưỡng đối với cháu K nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[-] Chị N không trực tiếp nuôi cháu M có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu M mà không ai được cản trở.

I-) Anh H không trực tiếp nuôi cháu K có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu K mà không ai được cản trở.

[-] Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị N vắng mặt. Anh H trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc anh Nguyễn Ngọc H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0014780, ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc H.

1.1 Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Ngọc H được ly hôn với chị Trần Kim N.

1.2 Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Quốc M, sinh ngày 17/10/2011 cho anh H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh H giao cháu Nguyễn Ngọc Thuyên K, sinh ngày 17/10/2019 cho chị N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N vắng mặt. Anh H không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con đối với cháu M và không yêu cầu giải quyết vấn đề cấp dưỡng đối với cháu K nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

Chị N không trực tiếp nuôi cháu M có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu M mà không ai được cản trở.

Anh H không trực tiếp nuôi cháu K có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu K mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Do chị N vắng mặt. Anh H trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Ngọc H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0014780, ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 2- Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 2- Vĩnh Long;
- Nơi ĐKKH ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Hồ Kim Liên